

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp nợ huê”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Lương Anh
2. Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp nợ huê” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-DS ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1963; cư trú tại hẻm X, đường T, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm: 1939; cư trú tại hẻm M, đường T, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Lê Thị T (B), sinh năm: 1940; cư trú tại lô liền kề số X, khu quy hoạch Y, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm: 1969; cư trú tại N, cư xá Đ, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Lê Thị Thanh H thì: Bà Hoàng Thị B là

hàng xóm của bà, bà có cầm cái một số dây huê nên bà B có tham gia chơi 02 dây huê do bà cầm cái cụ thể như sau:

Dây huê 3.000.000đ gồm 31 phần huê, có 24 người tham gia chơi (vì có người tham gia chơi 2 phần, có người 3 phần), ngày áp cái là ngày 25/3/2017, ngày kết thúc huê là ngày 25/9/2019, dây huê này bà B tham gia chơi một phần huê, bà B là người hót kỳ đầu tiên của dây huê và bỏ số tiền 650.000đ. Tổng số tiền bà B được nhận là 71.150.000đ (29 phần huê sống, 1 phần huê chết, 1 phần huê của bà B, do bà B hót huê nên bà B không phải đóng tiền huê tháng bà B hót). Ngày 27/4/2017, bà đã giao đủ cho bà B số tiền huê bà B được hót là 71.150.000đ, bà B có ký vào sổ nhận tiền huê của bà. Dây huê này bà B mới đóng cho bà được 30 kỳ (30 tháng), còn 1 kỳ (1 tháng) cuối cùng bà B không đóng nên dây huê này bà B còn nợ bà số tiền huê là 3.000.000đ.

Dây huê 2.000.000đ gồm 33 phần huê, có 28 người chơi (trong đó có người tham gia chơi 2 đến 3 phần), ngày áp cái là ngày 25/3/2017. Ngày kết thúc huê là ngày 25/11/2019, trong dây huê này bà B tham gia chơi một phần huê. Bà B là người hót dây huê trên vào kỳ thứ 7 và bỏ số tiền hót huê là 320.000đ. Tổng số tiền bà B được nhận là 55.680.000đ (gồm 6 phần huê chết, 26 phần huê sống, 1 phần huê do bà B hót nên bà B không đóng tiền huê tháng này). Ngày 27/9/2017, bà đã giao đủ cho bà B số tiền huê bà B được hót là 55.680.000đ. Bà B có ký vào sổ nhận tiền huê của bà. Dây huê này bà B mới đóng cho bà được 29 kỳ (29 tháng), còn thiếu lại 4 kỳ (4 tháng) cuối bà B không đóng nên dây huê này bà B còn nợ bà số tiền huê là 8.000.000đ.

Như vậy, bà B còn nợ bà tổng số tiền 11.000.000đ (dây huê 3.000.000đ là 3.000.000đ; dây huê 2.000.000đ là 8.000.000đ), bà yêu cầu bà B trả số tiền trên thì bà B không trả và cho rằng tại giấy mời huê đối với dây huê 3.000.000đ chỉ thể hiện là 30 phần huê nên bà B chỉ đóng 30 kỳ (tháng) còn dây huê 2.000.000đ, trong giấy mời huê thể hiện 29 phần huê nên bà B chỉ đóng 29 kỳ (tháng). Nay bà yêu cầu bà B phải trả cho bà tổng số tiền nợ của 2 dây huê là 11.000.000đ (trong đó dây huê 3.000.000đ là 3.000.000đ, dây huê 2.000.000đ là 8.000.000đ), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Hoàng Thị B thừa nhận có tham gia chơi hai dây huê do bà H cầm cái, 1 dây huê 3.000.000đ và 1 dây huê 2.000.000đ. Ngày áp cái của hai dây huê trên là ngày 25/3/2017. Dây huê 3.000.000đ theo giấy mời huê bà H đưa cho bà thì có 30 phần, dây huê này bà hót huê vào kỳ (tháng) thứ 7, bà H là người hót hộ nên bà không biết bà H bỏ số tiền bao nhiêu để hót và bà cũng không nhớ dây huê này bà H đã chôn huê cho bà bao nhiêu tiền nhưng bà đã đóng đủ tiền huê cho bà H còn số tiền đóng huê bao nhiêu thì bà không nhớ.

Ngoài dây huê 3.000.000đ trên bà còn tham gia chơi 1 dây huê 2.000.000đ do bà H cầm cái, theo giấy mời huê bà H đưa cho bà thì có 29 phần, dây huê này bà

hốt kỳ (tháng) thứ 7, bà H là người hốt hộ nên bà không biết số tiền bỏ huê là bao nhiêu và cũng không nhớ tổng số tiền hốt huê của dây huê này bà hốt được bao nhiêu. Bà đã đóng đủ số tiền huê cho bà H theo giấy mời huê bà H đưa. Khi chồng tiền huê cho bà, bà H đều đưa giấy yêu cầu bà ký nhận, hiện nay bà H là người giữ các giấy tờ trên. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho bà H tổng số tiền nợ của hai dây huê trên là 11.000.000đ thì bà xác định bà không còn nợ bà H số tiền huê nào nên bà không đồng ý trả cho bà H số tiền trên.

Người làm chứng bà Phạm Thị Kim A trình bày, bà có tham gia chơi hai dây huê do bà Lê Thị Thanh H làm chủ huê, dây huê 3.000.000đ, trong giấy mời huê gồm 30 phần huê nhưng thực tế tham gia chơi có 31 phần huê và dây huê 2.000.000đ, trong giấy mời huê gồm 29 phần huê nhưng thực tế tham gia chơi có 33 phần huê. Trong hai dây huê trên bà B đều tham gia chơi mỗi dây huê là 1 phần huê. Dây huê 3.000.000đ bà B là người hốt huê kỳ (tháng) đầu tiên, bà là người hốt kỳ (tháng) thứ 27 với số tiền bỏ huê là 150.000đ, tổng số tiền bà đã được bà H chồng huê là 89.400.000đ còn dây huê 2.000.000đ bà B là người hốt huê kỳ (tháng) thứ 7, bà là người hốt kỳ (tháng) thứ 30 với số tiền bỏ huê là 100.000đ, tổng số tiền bà được bà H chồng huê là 63.700.000đ. Hai dây huê trên đã kết thúc, bà H đã chồng đủ số tiền huê cho mọi người tham gia chơi kể cả bà B, việc bà B căn cứ vào số phần huê trong giấy mời huê và không đóng đủ số tiền huê cho bà H là hoàn toàn không đúng sự thật. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền huê còn nợ là 11.000.000đ thì bà không có liên quan, bà đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Người làm chứng bà Lê Thị T trình bày, bà có tham gia chơi 01 dây huê 3.000.000đ do bà Lê Thị Thanh H làm chủ huê, dây huê này theo giấy mời huê gồm 30 phần huê nhưng thực tế tham gia chơi có 31 phần huê. Trong dây huê này bà hốt kỳ (tháng) thứ 20 với số tiền bỏ huê là 280.000đ, tổng số tiền bà được nhận là 86.920.000đ. Dây huê này bà B có tham gia chơi 01 phần huê, bà B là người hốt kỳ (tháng) đầu tiên. Hiện nay dây huê đã kết thúc, bà H đã chồng đủ số tiền huê cho mọi người tham gia chơi huê. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền huê còn nợ thì bà không có liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bà B vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Bà Lê Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà B phải trả cho bà tổng số tiền nợ huê là 11.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà Hoàng Thị B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và

Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H, buộc bà Hoàng Thị B có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 11.000.000đ. Về lãi suất, bà H không yêu cầu nên không buộc bà B phải trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Hoàng Thị B có tham gia chơi huê do bà Lê Thị Thanh H cầm cái, do các bên không thống nhất được số tiền bên chơi huê đã đóng nên phát sinh tranh chấp; do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp nợ huê” theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc chơi huê giữa các bên là có xảy ra trong thực tế; cả bà H và bà B đều thừa nhận có việc tham gia chơi hai dây huê trên; cụ thể dây huê 3.000.000đ, bà B tham gia chơi 01 phần huê, áp cái ngày 25/3/2017 (đã đóng được 30 kỳ (tháng) và dây huê 2.000.000đ, bà B tham gia chơi 01 phần, áp cái ngày 25/3/2017 (đã đóng được 29 kỳ (tháng)), hiện nay các dây huê này đã chấm dứt. Do vậy đây là các sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Trong thực tế các bên chỉ tranh chấp với nhau về số tiền mà bên chơi huê đóng thiếu cho bên cầm cái huê. Bà H cho rằng hai dây huê nói trên bà B đã hót huê và bà đã chùng đủ số tiền huê cho bà B nhưng bà B chưa đóng đủ cho bà số tiền huê, cụ thể dây huê 3.000.000đ bà B còn nợ 3.000.000đ, dây huê 2.000.000đ bà B còn nợ 8.000.000đ.

Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng:

[3.1] Đối với dây huê 3.000.000đ gồm 31 phần huê, có 24 người tham gia chơi (vì có người tham gia chơi 2 phần, có người 3 phần), áp cái ngày 25/3/2017, ngày kết thúc huê là ngày 25/9/2019. Trong dây huê này bà B có tham gia chơi 01 phần, bà B là người hót huê kỳ (tháng) đầu tiên và bỏ số tiền hót huê là 650.000đ, tổng số tiền huê bà B đã nhận là 71.150.000đ (29 phần huê sống, 01 phần huê chết, 01 phần huê của bà B, do bà B hót huê nên bà B không phải đóng tiền huê của tháng bà B hót). Ngày 27/4/2017 bà H đã giao đủ cho bà B số tiền 71.150.000đ, bà B đã ký nhận vào sổ nhận tiền huê; như vậy số tiền mà bà B đã hót là của 30 phần mà người chơi đã đóng (trừ 01 phần của bà B) nên việc bà B cho rằng dây huê trên theo giấy mời huê chỉ có 30 phần huê nên sau khi hót huê bà đã đóng đủ số tiền huê 30 kỳ (tháng) là không có cơ sở.

[3.2] Đối với dây huê 2.000.000đ gồm 33 phần huê, có 28 người tham gia chơi (vì có người tham gia chơi 2 phần, có người 3 phần), áp cái ngày

25/3/2017, ngày kết thúc huê là ngày 25/11/2019. Trong dây huê này bà B cũng tham gia chơi 01 phần, bà B là người hót huê kỳ (tháng) thứ 7 và bỏ số tiền hót huê là 320.000đ, tổng số tiền huê bà B đã nhận là 55.680.000đ (26 phần huê sống, 06 phần huê chết, 01 phần huê của bà B, do bà B hót huê nên bà B không phải đóng tiền huê của tháng bà B hót). Ngày 27/9/2017 bà H đã giao đủ cho bà B số tiền 55.680.000đ, bà B đã ký nhận vào sổ nhận tiền huê, số tiền huê mà bà B đã hót là của 32 phần mà người chơi đã đóng (trừ 01 phần của bà B) nên việc bà B cho rằng dây huê trên theo giấy mời huê chỉ có 29 phần huê nên sau khi hót huê bà đã đóng đủ số tiền huê 29 kỳ (tháng) là không phù hợp với thực tế.

Do vậy việc bà H khởi kiện bà B yêu cầu trả số tiền nợ huê trên là có cơ sở xem xét.

Đối với yêu cầu tính lãi, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị B phải trả cho bà Lê Thị Thanh H tổng số tiền huê còn nợ là 11.000.000đ (trong đó dây huê 3.000.000đ nợ 3.000.000đ; dây huê 2.000.000đ nợ 8.000.000đ).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà B đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng bà B không có đơn xin miễn án phí và cũng không yêu cầu được miễn án phí Dân sự sơ thẩm nên cần buộc bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H về việc “Tranh chấp nợ huê” đối với bà Hoàng Thị B.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Thị B có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Thanh H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà H được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017533 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Hoàng Thị B phải chịu 550.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Ngọc